

DS467: Úc — Một số biện pháp liên quan đến nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu bao bì đơn giản khác áp dụng cho sản phẩm và bao bì thuốc lá

1. Thông tin chính

Tiêu đề	Úc — Bao bì thuốc lá tròn (Indonesia)
Nước khiếu nại:	Indonesia
Nước phản hồi:	Úc
Sản phẩm:	Thuốc lá
Bên thứ ba tham gia (trong thủ tục ban đầu):	Brazil; Canada; Trung Quốc; Cuba; Liên minh Châu Âu; Guatemala; Honduras; Ấn Độ; Nhật Bản; Hàn Quốc; Malaysia; Mexico; New Zealand; Nicaragua; Na Uy; Oman; Philippines; Liên bang Nga; Đài Loan; Thái Lan; Thổ Nhĩ Kỳ; Ukraina; Hoa Kỳ; Uruguay; Zimbabwe; Cộng hòa Dominica; Peru; Singapore; Argentina; Chile; Malawi; Nigeria; Ecuador
Các hiệp định được viện dẫn:	Điều 2.1, 2.2 – Hiệp định Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT)
(như trong đề nghị tham vấn)	Điều 2.1, 3.1, 15.4, 16.1, 16.3, 20, 22.2(b), 24.3 – Hiệp định về Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến Thương mại (TRIPS) Điều III:4 – GATT 1994
Các hiệp định được viện dẫn:	Điều 2.1, 2.2 – TBT Điều 1.1, 2.1, 3.1, 15.4, 16.1, 16.3, 20, 22.2(b), 24.3 – TRIPS

(như trong đề nghị thành lập Ban hội thẩm)	Điều III:4 – GATT 1994
Ngày đề nghị tham vấn:	20 tháng 9 năm 2013
Ngày đề nghị thành lập ban hội thẩm:	3 tháng 3 năm 2014
Ngày thành lập ban hội thẩm:	26 tháng 3 năm 2014
Ngày thành phần ban hội thẩm được xác lập:	5 tháng 5 năm 2014
Ngày lưu hành báo cáo của Ban hội thẩm	28 tháng 6 năm 2018 (được DSB chấp thuận ngày 27 tháng 8 năm 2018)

2. Tóm tắt tranh chấp

Khiếu nại do Indonesia đưa ra. (Xem thêm DS434, DS435, DS441 và DS458)

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2013, Indonesia yêu cầu tham vấn với Úc liên quan đến một số đạo luật và quy định của Úc áp đặt các hạn chế đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu bao bì đơn giản khác đối với thuốc lá và bao bì thuốc lá.

Indonesia khiếu nại đối với các biện pháp sau đây:

- Luật Bao bì thuốc lá tron năm 2011, Luật số 148/2011 – “Luật nhằm hạn chế việc sử dụng sản phẩm thuốc lá và các mục đích liên quan”;

- Quy định về bao bì thuốc lá tròn năm 2011 (Văn bản lập pháp chọn lọc 2011, số 263), được sửa đổi bởi Quy định sửa đổi về bao bì thuốc lá tròn năm 2012 (số 1) (Văn bản lập pháp chọn lọc 2012, số 29);

- Luật sửa đổi Luật Nhãn hiệu (liên quan đến bao bì thuốc lá tròn) năm 2011, Luật số 149/2011 – “Luật sửa đổi Luật Nhãn hiệu năm 1995 và cho các mục đích liên quan”;

- Bất kỳ biện pháp liên quan nào khác được Úc ban hành, bao gồm các biện pháp triển khai, bổ sung, mở rộng, sửa đổi hoặc thay thế các luật và quy định nói trên.

Indonesia cho rằng các biện pháp của Úc dường như không phù hợp với nghĩa vụ của Úc theo:

- Các điều 2.1, 3.1, 15.4, 16.1, 16.3, 20, 22.2(b) và 24.3 của Hiệp định TRIPS;
- Các điều 2.1 và 2.2 của Hiệp định TBT;
- Điều III:4 của GATT 1994.

Các yêu cầu tham gia tham vấn từ bên thứ ba:

- 26/9/2013: Guatemala
- 27/9/2013: Nicaragua
- 30/9/2013: New Zealand
- 1/10/2013: Uruguay
- 2/10/2013: Ukraina
- 3/10/2013: EU và Honduras
- 4/10/2013: Brazil, Canada, Cộng hòa Dominica và Na Uy
- 11/10/2013: Cuba

Sau đó, Úc thông báo với DSB rằng họ đã chấp thuận các yêu cầu tham vấn của Brazil, Canada, Cuba, Cộng hòa Dominica, EU, Guatemala, Honduras, New Zealand, Nicaragua, Na Uy, Ukraina và Uruguay.

Quá trình của Ban hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm

- Ngày 3/3/2014: Indonesia yêu cầu thành lập ban hội thẩm.

- Ngày 26/3/2014: DSB thành lập ban hội thẩm. Các bên thứ ba được ghi nhận quyền tham gia gồm: Brazil, Canada, Trung Quốc, Cuba, EU, Guatemala, Honduras, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Mexico, New Zealand, Nicaragua, Nigeria, Na Uy, Oman, Philippines, Nga, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraina, Hoa Kỳ, Uruguay.

Sau đó, các quốc gia: Argentina, Chile, Cộng hòa Dominica, Ecuador, Malawi, Peru, Singapore và Zimbabwe cũng ghi nhận quyền tham gia với tư cách bên thứ ba.

- Ngày 23/4/2014: Úc yêu cầu Tổng Giám đốc WTO chỉ định thành viên ban hội thẩm.
- Ngày 5/5/2014: Tổng Giám đốc chỉ định thành phần ban hội thẩm.
- Ngày 10/10/2014: Chủ tịch ban thông báo dự kiến ban sẽ phát hành báo cáo cuối cùng cho các bên không trước nửa đầu năm 2016.
- Ngày 29/6/2016: Do vụ việc phức tạp, báo cáo dự kiến không phát hành trước cuối năm 2016.
- Ngày 1/12/2016: Dự kiến không phát hành trước tháng 5/2017.
- Ngày 21/9/2017: Ban dự kiến phát hành trước cuối quý 3 năm 2017.
- Ngày 28/6/2018, báo cáo của Ban hội thẩm đã được phân phát tới các thành viên WTO.
- Ngày 27/8/2018, DSB chính thức thông qua báo cáo.

Kết luận của Ban hội thẩm

Đối với các khiếu nại được các bên khiếu nại nêu ra, Ban hội thẩm kết luận như sau:

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng các biện pháp bao bì thuốc lá tron (TPP) của Úc không phù hợp với Điều 2.2 của Hiệp định TBT, với lập luận rằng các biện pháp này hạn chế thương mại hơn mức cần thiết để đạt được một mục tiêu chính đáng.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng các biện pháp TPP không phù hợp với Điều 6quinties của Công ước Paris (1967) – như được dẫn chiếu trong Điều 2.1 của Hiệp định TRIPS – dựa trên cơ sở rằng Úc không chấp nhận đăng ký và bảo hộ nguyên trạng với mọi nhãn hiệu đã được đăng ký tại quốc gia xuất xứ.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng bản chất của hàng hóa áp dụng biện pháp TPP (tức “sản phẩm thuốc lá”) gây trở ngại cho việc đăng ký nhãn hiệu, vi phạm Điều 15.4 của Hiệp định TRIPS.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 16.1 của TRIPS, do ngăn cản chủ sở hữu nhãn hiệu thuốc lá đã đăng ký ngăn chặn việc sử dụng trái phép nhãn hiệu giống hệt hoặc tương tự đối với sản phẩm tương tự, trong các trường hợp có thể gây nhầm lẫn.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 16.3 của TRIPS, vì cho rằng các biện pháp này ngăn cản nhãn hiệu thuốc lá đạt được hoặc duy trì tình trạng “nổi tiếng”.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 20 của TRIPS, vì cho rằng biện pháp này áp đặt hạn chế không chính đáng đối với việc sử dụng nhãn hiệu thuốc lá trong quá trình thương mại.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 10bis của Công ước Paris (1967) – như được tích hợp qua Điều 2.1 của TRIPS – với lập luận rằng các biện pháp này buộc các chủ thể trên thị trường thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hoặc rằng Úc không cung cấp bảo vệ hiệu quả chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 22.2(b) của TRIPS, trên cơ sở rằng các biện pháp này buộc các chủ thể thị trường tham gia vào hành vi có thể dẫn đến chỉ dẫn sai lệch hoặc gây hiểu lầm về đặc tính sản phẩm, theo nghĩa của Điều 10bis(3)(3) Công ước Paris (1967), liên quan đến chỉ dẫn địa lý.

Các bên khiếu nại không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 24.3 của TRIPS, với lập luận rằng việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý trước ngày 1/1/1995 đã bị suy giảm do các biện pháp này.

Cuba không chứng minh được rằng biện pháp TPP vi phạm Điều IX:4 của GATT 1994, vì các biện pháp này không phải là “luật và quy định liên quan đến ghi nhãn sản phẩm nhập khẩu” theo nghĩa của điều khoản đó. Ngoài ra, Cuba cũng không chứng minh được rằng các hạn chế được áp đặt bởi biện pháp TPP gây ra sự sụt giảm đáng kể về giá trị của nhãn hiệu Habanos hoặc tem đảm bảo của Chính phủ Cuba theo Điều IX:4.

Ban hội thẩm không đưa ra kết luận đối với các khiếu nại rằng biện pháp TPP vi phạm Điều 2.1 của TRIPS (bao gồm cả Điều 6bis của Công ước Paris (1967)), Điều 3.1 của TRIPS, Điều 2.1 của TBT, và Điều III:4 của GATT 1994, do các bên khiếu nại không nêu lập luận cụ thể cho các khiếu nại đó.

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 8 năm 2018, Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) đã chính thức thông qua báo cáo của Ban hội thẩm.